|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ID | Source | Target |
| ID 1 | Conflicts of Interest | Xung đột Lợi ích |
| ID 2 | Click the forward arrow to begin. | Vui lòng nhấp vào mũi tên sang phải để bắt đầu. |
| ID 3 | MENU | MENU |
| ID 4 | 1 | The Impact of Conflicts of Interest | 1 | Tác động của Xung đột Lợi ích |
| ID 4b | Section 1 | The Impact of Conflicts of Interest | Phần 1 | Tác động của Xung đột Lợi ích |
| ID 5 | Here you will learn what a conflict of interest is and why avoiding conflicts of interest matter. | Trong phần này, bạn sẽ tìm hiểu xung đột lợi ích là gì và tại sao việc tránh xung đột lợi ích lại quan trọng. |
| ID 6 | 3 minutes | 3 phút |
| ID 7 | Conflicts of Interest Defined | Xác định Xung đột Lợi ích |
| ID 8 | Why Avoiding Conflicts of Interest Matters | Tại sao Tránh Xung đột Lợi ích Lại Quan trọng |
| ID 9 | Review | Xem lại |
| ID 10 | 2 | Types of Conflicts of Interest | 2 | Các Loại Xung đột Lợi ích |
| ID 10b | Section 2 | Types of Conflicts of Interest | Phần 2 | Các Loại Xung đột Lợi ích |
| ID 11 | Here you will learn how to recognize and resolve different types of conflicts of interest. | Trong phần này, bạn sẽ tìm hiểu cách nhận biết và giải quyết các loại xung đột lợi ích khác nhau. |
| ID 12 | 12 minutes | 12 phút |
| ID 13 | Financial Interests | Lợi ích Tài chính |
| ID 14 | Family Members | Thành viên Gia đình |
| ID 15 | Gifts, Payments, and Other Inducements | Quà tặng, Khoản thanh toán và Các Ưu đãi Khác |
| ID 16 | Corporate Opportunities | Cơ hội Công ty |
| ID 17 | Outside Employment and Consulting | Công Việc và Hoạt động Tư vấn Bên ngoài Công ty |
| ID 18 | Serving on Boards or as Officers for Third Parties | Đảm nhận Vai trò Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc là Cán bộ cho các Bên thứ ba |
| ID 19 | Review | Xem lại |
| ID 20 | 3 | Disclosing and Reporting Conflicts of Interest | 3 | Tiết lộ và Báo cáo Xung đột Lợi ích |
| ID 20b | Section 3 | Disclosing and Reporting Conflicts of Interest | Phần 3 | Tiết lộ và Báo cáo Xung đột Lợi ích |
| ID 21 | Here you will learn how to disclose and report conflicts of interest. | Trong phần này, bạn sẽ học cách tiết lộ và báo cáo xung đột lợi ích. |
| ID 22 | 6 minutes | 6 phút |
| ID 23 | Disclosing Your Own Conflict of Interest | Tiết lộ Xung đột Lợi ích của Chính mình |
| ID 24 | Reporting Someone Else’s Conflict of Interest | Báo cáo Xung đột Lợi ích của Người khác |
| ID 25 | Annual Conflicts of Interest Certification | Xác nhận Xung đột Lợi ích Hàng năm |
| ID 26 | Where to Go for Help and Support | Nguồn lực Trợ giúp và Hỗ trợ |
| ID 27 | Review | Xem lại |
| ID 28 | 4 | Knowledge Check | 4 | Kiểm tra Kiến thức |
| ID 28b | Section 4 | Knowledge Check | Phần 4 | Kiểm tra Kiến thức |
| ID 29 | Assess your understanding of the key concepts and principles of this course. | Đánh giá hiểu biết của bạn về các khái niệm và nguyên tắc chính của khóa học này. |
| ID 30 | 5 minutes | 5 phút |
| ID 31 | Assessment | Đánh giá |
| ID 33 | Click the panel to get started. | Nhấp vào bảng điều khiển để bắt đầu. |
| ID 34 | Click the yellow play button to begin. | Nhấp vào nút phát màu vàng để bắt đầu. |
| ID 35 | Here is an example. | Sau đây là ví dụ. |
| ID 36 | A plant supervisor decides to hire his brother’s company to provide security arrangements at an Abbott facility. | Một cán bộ giám sát nhà máy quyết định thuê công ty anh trai mình để cung cấp dịch vụ an ninh tại một cơ sở của Abbott. |
| ID 37 | From the outside, it could appear that the plant supervisor has a personal interest in helping his brother’s company to get a new client. | Nhìn bên ngoài, có vẻ như cán bộ giám sát nhà máy vì lợi ích cá nhân nên đã giúp công ty anh trai của mình có được một khách hàng mới. |
| ID 38 | His personal interest could conflict with Abbott’s interest, which is to hire the best security company available, at the lowest possible price. | Lợi ích cá nhân của anh ta có thể xung đột với lợi ích của Abbott, đó là thuê công ty dịch vụ an ninh tốt nhất hiện có, với mức giá thấp nhất có thể. |
| ID 39 | As a result, there is a conflict of interest. | Kết quả là dẫn đến xung đột lợi ích. |
| ID 40 | TO LEARN MORE ABOUT THE EFFECT CONFLICTS OF INTEREST CAN HAVE ON ABBOTT’S STAKEHOLDERS, CLICK THE DOWN ARROW. | NHẤP VÀO MŨI TÊN HƯỚNG XUỐNG ĐỂ TÌM HIỂU THÊM VỀ CÁC XUNG ĐỘT LỢI ÍCH CÓ THỂ CÓ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN CỦA ABBOTT. |
| ID 41 | Employees | Nhân viên |
| ID 42 | Conflicts of interest could cause job applicants and employees to question whether they want to be part of an organization where hiring and promotional decisions are based on family ties or friendships, rather than merit. | Xung đột lợi ích có thể khiến ứng viên xin việc và nhân viên nghi ngại việc trở thành thành viên của một tổ chức mà ở đó các quyết định tuyển dụng và thăng tiến dựa trên mối quan hệ gia đình/bạn bè chứ không phải dựa trên thực lực. |
| ID 43 | Click the down arrow. | Nhấp vào mũi tên hướng xuống. |
| ID 44 | REVIEW | XEM LẠI |
| ID 44b | Take a moment to review some of the key concepts in this section. | Hãy dành một chút thời gian để xem lại một số khái niệm chính trong phần này. |
| ID 45 | CONFLICTS OF INTEREST DEFINED | XÁC ĐỊNH XUNG ĐỘT LỢI ÍCH |
| ID 46 | A conflict of interest exists whenever an Abbott employee’s private interests interfere, or appear to interfere, with Abbott’s interests. | Xung đột lợi ích tồn tại bất cứ khi nào lợi ích riêng của nhân viên Abbott đối lập hoặc có vẻ đối lập với lợi ích của Abbott. |
| ID 47 | WHY AVOIDING CONFLICTS OF INTEREST MATTERS | TẠI SAO TRÁNH XUNG ĐỘT LỢI ÍCH LẠI QUAN TRỌNG |
| ID 48 | By putting, or appearing to put, our personal interests above those of our stakeholders, we erode trust - which can affect the reputation and performance of Abbott. | Với việc bị xem hoặc bị nhìn nhận là đặt lợi ích cá nhân của chúng ta lên trên lợi ích các bên liên quan, chúng ta sẽ làm mai một niềm tin đó - điều này có thể ảnh hưởng đến uy tín và hiệu quả hoạt động của Abbott. |
| ID 49 | THE KEY TO RESOLVING CONFLICTS OF INTERESTS | CHÌA KHÓA GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH |
| ID 50 | The key to resolving conflicts is to openly communicate the conflict to your manager, so the circumstances can be assessed and addressed appropriately. | Chìa khóa để giải quyết xung đột lợi ích là tiết lộ công khai xung đột với quản lý của bạn, để đánh giá và giải quyết các tình huống một cách thích hợp. |
| ID 51 | You have completed section {a} of {b} | Bạn đã hoàn thành phần {a} / {b} |
| ID 51b | CLICK THE FORWARD ARROW TO CONTINUE LEARNING | NHẤP VÀO MŨI TÊN SANG PHẢI ĐỂ TIẾP TỤC KHÓA HỌC |
| ID 52 | Click the arrow to begin your review. | Nhấp vào mũi tên để bắt đầu xem lại. |
| ID 53 | To check your progress, click the Menu button. | Để kiểm tra tiến trình của bạn, hãy nhấp vào nút Menu. |
| ID 54 | Conflicts of interest generally fall into six broad categories. Let’s begin by looking at an example of a financial conflict of interest. | Xung đột lợi ích xét trên nghĩa rộng thường được phân loại thành sáu loại hình sau đây. Hãy bắt đầu bằng cách xem qua một ví dụ về xung đột lợi ích tài chính. |
| ID 55 | Let’s now consider conflicts of interest involving family members. | Bây giờ, chúng ta hãy xem xét xung đột lợi ích liên quan đến các thành viên gia đình. |
| ID 56 | Therefore, individual Abbott employees must not do business on behalf of Abbott with family members or companies owned directly or indirectly by family members. | Do đó, nhân viên Abbott không được phép thay mặt Abbott thực hiện việc kinh doanh với các thành viên gia đình hoặc công ty thuộc sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp của các thành viên gia đình. |
| ID 57 | Since his friend has an excellent reputation from his days at Abbott, Sanjeet ignores the normal vetting process and awards the contract to his former colleague. | Vì bạn của Sanjeet đã có uy tín rất tốt từ những ngày còn làm việc tại Abbott, Sanjeet bỏ qua quy trình kiểm tra thông thường và trao hợp đồng cho đồng nghiệp cũ của mình. |
| ID 58 | Did Sanjeet handle the distributor selection process appropriately? | Sanjeet có xử lý quy trình lựa chọn nhà phân phối đúng cách không? |
| ID 59 | It was not appropriate to bypass the normal vetting process, even if he was sure his friend's company was the best choice. Doing so could be perceived as a conflict of interest. | Việc bỏ qua quy trình kiểm tra thông thường là không đúng, ngay cả khi anh ấy chắc chắn rằng công ty của bạn mình là lựa chọn tốt nhất. Làm như vậy có thể được coi là xung đột lợi ích. |
| ID 60 | Sanjeet should exclude his friend from the vetting process. | Sanjeet nên loại bạn mình ra khỏi quy trình kiểm tra. |
| ID 61 | Sanjeet’s friend should not be excluded from the process, since it is in Abbott’s best interest to hire the best candidate for the job. Giving the hiring responsibility to another product manager would avoid the potential conflict of interest. | Không nên loại trừ người bạn của Sanjeet khỏi quy trình này vì lợi ích tốt nhất của Abbott là tìm được ứng viên tốt nhất cho công việc. Việc trao trách nhiệm tuyển dụng cho quản lý sản phẩm khác sẽ tránh được xung đột lợi ích tiềm ẩn. |
| ID 62 | Gifts, payments, and other inducements may be accepted only in accordance with the Global Purchasing policy, Purchasing Code of Conduct for Interacting with Suppliers (CPP 40), or any applicable affiliate policy. | Bạn chỉ có thể được nhận quà tặng, khoản thanh toán và các ưu đãi khác theo chính sách Mua hàng Toàn cầu, Quy tắc Ứng xử Mua hàng Trong các Tương tác với Nhà cung cấp (CPP 40) hoặc bất kỳ chính sách liên kết hiện hành nào. |
| ID 63 | Isabella, an Abbott Public Affairs Director, is offered two tickets in a luxury section for a theatrical show by a firm that wants to perform consulting services for Abbott. Isabella accepts the tickets and plans to bring her husband along. She does not mention the event to her manager. | Isabella, Giám đốc Quan hệ Công chúng của Abbott, được tặng hai vé ngồi ở khu vực sang trọng trong một buổi biểu diễn hòa nhạc từ một công ty muốn thực hiện các dịch vụ tư vấn cho Abbott. Isabella đã nhận vé và dự định sẽ đi xem cùng chồng. Cô ấy không đề cập đến sự kiện này với quản lý của mình. |
| ID 64 | The tickets are for the luxury seating, which does not meet the requirement that events must be non-lavish, and | Vé có chỗ ngồi ở khu vực sang trọng, không đáp ứng yêu cầu rằng các sự kiện không được xa hoa, và |
| ID 65 | If Isabella were to attend (and bring her husband along), she could create the perception that any future business she might do with the potential vendor is a result of the tickets she received. | Nếu Isabella tham dự (và đưa chồng đi cùng), cô có thể khiến bên ngoài nhìn nhận rằng bất kỳ hợp tác nào trong tương lai mà cô ấy thực hiện với nhà cung cấp tiềm năng đều là do những tấm vé mà cô ấy đã nhận. |
| ID 66 | Lara, a marketing manager for Abbott Nutrition, becomes aware of an opportunity to become part-owner of a start-up company that would produce nutrition mini-bars for kids with diabetes. | Lara, một quản lý tiếp thị của Abbott Nutrition, biết được cơ hội trở thành đồng chủ sở hữu một công ty mới khởi nghiệp chuyên sản xuất các thanh dinh dưỡng mini cho trẻ em mắc bệnh tiểu đường. |
| ID 67 | This is a conflict because Lara’s business would be a logical extension of Abbott’s current business. Lara must first disclose the opportunity to Abbott, so Abbott can evaluate whether it wishes to make the investment. | Đây là một xung đột lợi ích vì hoạt động kinh doanh của Lara sẽ là một phần mở rộng hợp lý cho hoạt động kinh doanh hiện tại của Abbott. Trước tiên, Lara phải tiết lộ cơ hội này cho Abbott để Abbott có thể đánh giá liệu họ có muốn đầu tư hay không. |
| ID 68 | Abbott defines a corporate opportunity as a business opportunity that would be a logical extension of Abbott’s current business or would be in competition with Abbott’s business. | Abbott định nghĩa cơ hội của công ty là một cơ hội kinh doanh mà sẽ là một phần mở rộng hợp lý cho hoạt động kinh doanh hiện tại của Abbott, hoặc sẽ cạnh tranh với hoạt động của Abbott. |
| ID 69 | As with any outside employment opportunity, Juan should assume that this is a potential conflict of interest and discuss the situation with his manager. | Như với bất kỳ cơ hội việc làm nào bên ngoài công ty, Juan nên xem đây là một xung đột lợi ích tiềm ẩn và cần thảo luận về tình huống này với quản lý của mình. |
| ID 70 | Vendors | Các bên bán hàng |
| ID 71 | Suppliers | Nhà cung cấp |
| ID 72 | Other companies doing business with Abbott | Các công ty khác đang hợp tác kinh doanh với Abbott |
| ID 73 | Professional organizations (e.g., The European Society for Medical Oncology, American Nurses Association) | Các tổ chức chuyên nghiệp (ví dụ: Hiệp hội Ung thư Châu Âu, Hiệp hội Y tá Hoa Kỳ) |
| ID 74 | Trade organizations | Các tổ chức thương mại |
| ID 75 | Hospitals and other customers | Các bệnh viện và khách hàng khác |
| ID 76 | Public or private bodies setting rules or standards applicable to Abbott’s business, for example, the World Health Organization (WHO) | Các cơ quan ban hành các quy tắc/ tiêu chuẩn áp dụng cho hoạt động kinh doanh của Abbott, ví dụ, Tổ chức Y tế Thế giới (World Health Organization, WHO) |
| ID 77 | REVIEW | XEM LẠI |
| ID 77b | Take a moment to review some of the key concepts in this section. | Hãy dành một chút thời gian để xem lại một số khái niệm chính trong phần này. |
| ID 78 | FINANCIAL INTERESTS | LỢI ÍCH TÀI CHÍNH |
| ID 79 | Financial conflicts of interest exist when an Abbott employee has a material, ownership, or other financial interest in a business entity that conducts or seeks to conduct business with Abbott or is a competitor of Abbott. | Xung đột lợi ích tài chính tồn tại khi một nhân viên Abbott có quyền lợi sở hữu lớn hoặc lợi ích tài chính khác trong một tổ chức đang có hoạt động kinh doanh, hoặc đang tìm kiếm cơ hội kinh doanh với Abbott hoặc đang là đối thủ cạnh tranh của Abbott. |
| ID 80 | FAMILY MEMBERS | THÀNH VIÊN GIA ĐÌNH |
| ID 81 | Conflicts involving family members occur when an Abbott employee conducts or seeks to conduct business on behalf of Abbott with a family member. | Xung đột lợi ích liên quan đến các thành viên gia đình xảy ra khi một nhân viên thay mặt Abbott thực hiện giao dịch kinh doanh, hoặc tìm kiếm cơ hội kinh doanh với một thành viên gia đình mình. |
| ID 82 | GIFTS, PAYMENTS, AND OTHER INDUCEMENTS | QUÀ TẶNG, KHOẢN THANH TOÁN VÀ CÁC ƯU ĐÃI KHÁC |
| ID 83 | Accepting gifts, payments, and other inducements from a supplier, vendor, or other business associate of Abbott creates a potential conflict of interest, as it might influence, or give the appearance of influencing, an employee’s purchasing decisions. | Nhận quà tặng, khoản thanh toán và các ưu đãi khác từ nhà cung cấp, bên bán hàng hoặc đối tác kinh doanh khác của Abbott tạo ra xung đột lợi ích tiềm ẩn, bởi vì điều đó có thể gây ảnh hưởng hoặc có thể bị nhìn nhận là đang gây ảnh hưởng đến quyết định mua hàng của nhân viên đó. |
| ID 84 | CORPORATE OPPORTUNITIES | CƠ HỘI CÔNG TY |
| ID 85 | If an Abbott employee becomes aware of a business opportunity that is a logical extension of Abbott’s current business, or would be in competition with Abbott’s business, the employee must offer the opportunity to Abbott. | Nếu một nhân viên của Abbott biết rằng cơ hội kinh doanh sẽ là sự mở rộng hợp lý các hoạt động kinh doanh hiện tại của Abbott hoặc sẽ cạnh tranh với hoạt động của Abbott, nhân viên phải đề xuất cơ hội cho Abbott. |
| ID 86 | OUTSIDE EMPLOYMENT AND CONSULTING | CÔNG VIỆC VÀ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN BÊN NGOÀI CÔNG TY |
| ID 87 | All outside employment (including consulting opportunities) should be viewed as a potential conflict of interest and should be discussed and assessed on a case-by-case basis with the employee’s manager. | Tất cả các cơ hội việc làm bên ngoài công ty (bao gồm các hoạt động tư vấn) cần được xem là xung đột lợi ích tiềm ẩn và phải được thảo luận, đánh giá với quản lý của nhân viên cho từng trường hợp. |
| ID 90 | SERVING ON BOARDS OR AS OFFICERS FOR THIRD PARTIES | NHÂN VIÊN ĐẢM NHẬN VAI TRÒ THÀNH VIÊN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC LÀ CÁN BỘ CHO CÁC BÊN THỨ BA |
| ID 91 | Employees who want to serve on boards or as officers of third parties should disclose that to their managers and seek the relevant approvals. | Nhân viên muốn làm việc trong Hội đồng Quản trị hoặc là cán bộ của các bên thứ ba nên tiết lộ điều đó với quản lý của họ và xin các phê duyệt theo quy định. |
| ID 92 | You have completed section {a} of {b} | Bạn đã hoàn thành phần {a} / {b} |
| ID 93 | CLICK THE FORWARD ARROW TO CONTINUE LEARNING | NHẤP VÀO MŨI TÊN SANG PHẢI ĐỂ TIẾP TỤC KHÓA HỌC |
| ID 93b | Click the arrow to begin your review. | Nhấp vào mũi tên để bắt đầu xem lại. |
| ID 93c | To check your progress, click the Menu button. | Để kiểm tra tiến trình của bạn, hãy nhấp vào nút Menu. |
| ID 94 | When disclosing a conflict of interest, follow these simple steps. | Khi tiết lộ xung đột lợi ích, hãy làm theo các bước đơn giản sau. |
| ID 95 | STEP 1 | BƯỚC 1 |
| ID 96 | Talk to your manager. | Nói chuyện với quản lý của bạn. |
| ID 97 | Discuss the circumstances with your manager to determine whether you have an actual or potential conflict of interest. | Thảo luận về tình huống với người quản lý để xác định xem bạn có xung đột lợi ích thực sự hay tiềm ẩn hay không. |
| ID 98 | If no conflict exists, you may proceed with the desired activity. | Nếu không có xung đột, bạn có thể tiến hành hoạt động mình muốn. |
| ID 99 | If a conflict exists, you should proceed to Step 2. | Nếu có xung đột lợi ích, bạn nên chuyển sang Bước 2. |
| ID 100 | STEP 2 | BƯỚC 2 |
| ID 101 | Consider possible actions to minimize or eliminate the conflict. | Cân nhắc các hành động khả thi để giảm thiểu hoặc loại bỏ xung đột. |
| ID 102 | If a conflict exists, you and your manager should take the time to consider possible actions that you can take to minimize or eliminate the conflict. | Nếu có xung đột, bạn và người quản lý nên dành thời gian để xem xét các hành động khả thi mà bạn có thể thực hiện để giảm thiểu hoặc loại bỏ xung đột. |
| ID 103 | If the conflict cannot be minimized or eliminated, your manager will instruct you NOT TO PROCEED with the proposed activity. | Nếu không thể giảm thiểu hoặc loại bỏ xung đột, quản lý của bạn sẽ yêu cầu bạn KHÔNG ĐƯỢC THỰC HIỆN hoạt động đã đề xuất. |
| ID 104 | If a conflict can be minimized or eliminated, you should proceed to Step 3. | Nếu có thể giảm thiểu hoặc loại bỏ xung đột, bạn hãy chuyển sang Bước 3. |
| ID 105 | STEP 3 | BƯỚC 3 |
| ID 106 | Document your proposed actions to minimize or eliminate the conflict. | Ghi chép lại các hành động được đề xuất của bạn để giảm thiểu hoặc loại bỏ xung đột. |
| ID 107 | If steps can be taken to minimize or eliminate the conflict of interest, you should document these actions in an *Actual or Potential Conflict of Interest Approval Form*. Once completed, the form must be approved and submitted via the Speak Up Helpline (speakup.abbott.com). | Nếu có thể thực hiện các bước để giảm thiểu hoặc loại bỏ xung đột lợi ích, bạn nên ghi chép lại những hành động này trong *Biểu mẫu Phê duyệt Xung đột Lợi ích Thực tế hoặc Tiềm ẩn*. Sau khi hoàn thành, biểu mẫu phải được phê duyệt và gửi qua Đường dây Trợ giúp “Speak up” (speakup.abbott.com). |
| ID 108 | To submit a conflict of interest disclosure: | Để nộp bản tiết lộ xung đột lợi ích: |
| ID 109 | Access the speakup.abbott.com site. | Truy cập trang speakup.abbott.com. |
| ID 110 | Click the Conflict of Interest button. | Nhấp vào nút Xung đột Lợi ích. |
| ID 111 | Fill out and submit the Conflict of Interest disclosure. | Điền và nộp biểu mẫu tiết lộ Xung đột Lợi ích. |
| ID 112 | Click the Attach Manager’s Approval button and attach the scanned *Actual or Potential Conflict of Interest Approval Form*. | Nhấp vào nút Đính kèm Phê duyệt của Quản lý và đính kèm bản scan biểu mẫu *Phê duyệt Xung đột Lợi ích Thực tế hoặc Tiềm ẩn* để gửi bản tiết lộ. |
| ID 113 | Once approved, you may proceed with the desired activity. | Sau khi được phê duyệt, bạn có thể tiến hành hoạt động mình muốn. |
| ID 114 | To report another employee’s actual or potential conflict of interest via the Speak Up Helpline, simply click the Raise a Concern button on the Speak Up Helpline and follow the onscreen instructions. | Để báo cáo xung đột lợi ích thực tế hoặc tiềm ẩn của một nhân viên khác thông qua Đường dây Trợ giúp Speak Up, chỉ cần nhấp vào nút Nêu lên Mối quan ngại trên Đường dây Trợ giúp Speak Up và làm theo hướng dẫn trên màn hình. |
| ID 116 | The *Conflicts of Interest Certification* is designed to identify conflicts not previously approved by management and reported to the OEC. | *Chứng nhận Xung đột Lợi ích* được thiết kế để xác nhận các xung đột chưa được ban quản lý phê duyệt trước đó và báo cáo cho OEC. |
| ID 117 | REVIEW | XEM LẠI |
| ID 117b | Take a moment to review some of the key concepts in this section. | Hãy dành một chút thời gian để xem lại một số khái niệm chính trong phần này. |
| ID 118 | SELF-DISCLOSING A CONFLICT: STEP 1 | TỰ BÁO CÁO MỘT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH: BƯỚC 1 |
| ID 119 | Talk to your manager to determine whether you have an actual or potential conflict of interest. If no conflict exists, you may proceed with the desired activity. | Trao đổi với người quản lý để xác định xem bạn có xung đột lợi ích thực sự hay tiềm ẩn hay không. Nếu không có xung đột, bạn có thể tiến hành hoạt động mình muốn. |
| ID 120 | SELF-DISCLOSING A CONFLICT: STEP 2 | TỰ BÁO CÁO MỘT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH: BƯỚC 2 |
| ID 121 | If a conflict exists, you and your manager should take the time to consider possible actions that you can take to minimize or eliminate the conflict. If the conflict cannot be minimized or eliminated, DO NOT PROCEED with the proposed activity. | Nếu có xung đột, bạn và người quản lý nên dành thời gian để xem xét các hành động khả thi mà bạn có thể thực hiện để giảm thiểu hoặc loại bỏ xung đột. Nếu không thể giảm thiểu hoặc loại bỏ xung đột, KHÔNG ĐƯỢC THỰC HIỆN hoạt động đã đề xuất. |
| ID 122 | SELF-DISCLOSING A CONFLICT: STEP 3 | TỰ BÁO CÁO MỘT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH: BƯỚC 3 |
| ID 123 | If steps can be taken to minimize or eliminate the conflict of interest, you should document these actions in an Actual or Potential Conflict of Interest Approval Form and submit it via the Speak Up Helpline. | Nếu có thể thực hiện các bước để giảm thiểu hoặc loại bỏ xung đột lợi ích, bạn nên ghi chép lại những hành động này trong Biểu mẫu Phê duyệt Xung đột Lợi ích Thực tế hoặc Tiềm ẩn và nộp biểu mẫu qua Đường dây Trợ giúp “Speak up”. |
| ID 124 | REPORTING CONFLICTS INVOLVING OTHERS | BÁO CÁO XUNG ĐỘT LỢI ÍCH LIÊN QUAN TỚI NHỮNG NGƯỜI KHÁC |
| ID 125 | If you become aware of an actual or potential conflict of interest involving another employee or employees, you should report the conflict to your manager, the OEC, HR, Legal, or through the Speak Up Helpline (speakup.abbott.com). | Nếu bạn biết về xung đột lợi ích thực tế hoặc tiềm ẩn liên quan đến một hoặc nhiều nhân viên khác, bạn nên báo cáo xung đột đó với quản lý của mình, OEC, HR, Bộ phận Pháp lý hoặc thông qua Đường dây Trợ giúp “Speak Up” (speakup.abbott.com). |
| ID 126 | ANNUAL CONFLICTS OF INTEREST CERTIFICATION | XÁC NHẬN XUNG ĐỘT LỢI ÍCH HÀNG NĂM |
| ID 127 | You can also use the annual Conflicts of Interest Certification to both disclose your own conflicts and to report conflicts of others. | Bạn cũng có thể sử dụng Xác nhận Xung đột Lợi ích hàng năm để tiết lộ cả xung đột lợi ích của bản thân và báo cáo xung đột của những người khác. |
| ID 128 | WHERE TO GO FOR HELP AND SUPPORT | NGUỒN TRỢ GIÚP VÀ HỖ TRỢ |
| ID 129 | If you have an actual or potential conflict of interest, or if you are unsure, or have questions about conflicts of interest, speak to your manager, the OEC, HR, or Legal. | Nếu bạn có xung đột lợi ích thực tế hoặc tiềm ẩn, hoặc nếu bạn không chắc chắn, hoặc có câu hỏi về xung đột lợi ích, hãy trao đổi với quản lý của bạn, OEC, Bộ phận HR hoặc Pháp lý. |
| ID 130 | You have completed section {a} of {b} | Bạn đã hoàn thành phần {a} / {b} |
| ID 131 | CLICK THE FORWARD ARROW TO CONTINUE LEARNING | NHẤP VÀO MŨI TÊN SANG PHẢI ĐỂ TIẾP TỤC KHÓA HỌC |
| ID 131b | Click the arrow to begin your review. | Nhấp vào mũi tên để bắt đầu xem lại. |
| ID 131c | To check your progress, click the Menu button. | Để kiểm tra tiến trình của bạn, hãy nhấp vào nút Menu. |
| ID 132 | WHERE TO GET HELP | NGUỒN LỰC HỖ TRỢ |
| ID 133 | Visit iComply Compliance Contacts page on the [OEC website](https://abbott.sharepoint.com/sites/abbottworld/EthicsCompliance) on Abbott World. | Truy cập trang Liên hệ Tuân thủ của iComply trên [trang web của OEC](https://abbott.sharepoint.com/sites/abbottworld/EthicsCompliance) trên Abbott World. |
| ID 134 | REFERENCE MATERIAL | TÀI LIỆU THAM KHẢO |
| ID 134b | Course Resources | Tài liệu Khóa học |
| ID 135 | Transcript | Bảng điểm |
| ID 136 | Click [here](https://dummy.com) for a full transcript of the course. | Nhấp vào [đây](https://dummy.com) để xem toàn bộ bảng điểm của khóa học. |
| ID 137 | The Knowledge Check that follows consists of 10 questions. You must score 80% or higher to successfully complete this course. | Kiểm tra Kiến thức gồm 10 câu hỏi. Bạn cần đạt điểm số từ 80% trở lên để hoàn thành khóa học này. |
| ID 138 | When you are ready, click the Knowledge Check button. | Khi bạn đã sẵn sàng, nhấp vào nút Kiểm tra Kiến thức. |
| ID 139 | Having a conflict of interest automatically prohibits you from pursuing the desired activity. | Việc có xung đột lợi ích sẽ tự động ngăn cấm bạn theo đuổi thực hiện hoạt động mong muốn. |
| ID 140 | Having a conflict of interest does not automatically prohibit you from pursuing the desired activity. Oftentimes, conflicts of interest can be resolved by taking certain actions to minimize or eliminate the conflict and avoid any impact to Abbott’s business. | Việc có xung đột lợi ích không có nghĩa là bạn không được phép theo đuổi hoạt động mong muốn. Thông thường, xung đột lợi ích có thể được giải quyết bằng cách thực hiện một số hành động nhất định để giảm thiểu hoặc loại bỏ xung đột và tránh mọi tác động đến hoạt động kinh doanh của Abbott. |
| ID 141 | Yes. Hiring your sister’s company would create a conflict of interest involving a family member. However, these types of conflicts can be resolved by simply disclosing the situation to your manager. | Có. Việc thuê công ty chị gái của bạn có thể tạo ra xung đột lợi ích liên quan đến thành viên trong gia đình. Tuy nhiên, những loại xung đột lợi ích này có thể được giải quyết bằng cách tiết lộ tình huống với quản lý của bạn. |
| ID 142 | Yes. Accepting gifts, payments, and other inducements from a supplier creates a potential conflict of interest. | Có. Việc nhận quà tặng, khoản thanh toán và các ưu đãi khác từ nhà cung cấp sẽ tạo ra xung đột lợi ích tiềm ẩn. |
| ID 143 | Yes. Abbott employees are not allowed to attend supplier-sponsored events for any purpose. | Có. Các nhân viên Abbott không được phép tham dự các sự kiện do nhà cung cấp tài trợ vì bất kỳ mục đích nào. |
| ID 144 | Accepting gifts, payments, and other inducements from a supplier, vendor, or other business associate of Abbott creates a potential conflict of interest, as it might influence or give the appearance of influencing an employee’s purchasing decisions. It may also create a perception of inappropriate behavior. You should discuss the situation with your manager. | Nhận quà tặng, khoản thanh toán và các ưu đãi khác từ nhà cung cấp, bên bán hàng hoặc đối tác kinh doanh khác của Abbott tạo ra xung đột lợi ích tiềm ẩn, bởi vì điều đó có thể gây ảnh hưởng hoặc có thể bị nhìn nhận là đang gây ảnh hưởng đến quyết định mua hàng của nhân viên đó. Điều đó cũng có thể tạo ra nhận thức về hành vi không phù hợp. Bạn nên thảo luận tình huống với quản lý của mình. |
| ID 145 | Therefore, as with any potential employment or consulting opportunity, you should assume that it is a potential conflict of interest and discuss the situation with your manager. | Do vậy, giống như với bất kỳ cơ hội việc làm hoặc hoạt động tư vấn nào bên ngoài công ty, bạn nên xem đây là một xung đột lợi ích tiềm ẩn và thảo luận về tình huống với quản lý của mình. |
| ID 146 | Sorry, you did not pass the Knowledge Check. Take a few minutes to review your results below by clicking on each question. | Rất tiếc, bạn đã không đạt bài Kiểm tra Kiến thức. Hãy dành vài phút để xem kết quả của bạn dưới đây bằng cách nhấp vào từng câu hỏi. |
| ID 147 | When you are done, click the Retake button. | Khi đã hoàn thành, hãy nhấp vào nút **Làm lại**. |
| ID 148 | Please retake the questions indicated. | Vui lòng làm lại các câu hỏi được nêu ra. |
| ID 149 | Menu | Menu |
| ID 150 | Review | Xem lại |
| ID 151 | Retake | Làm lại |